TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 116/2026/DS-ST
Ngày 28-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng;
hợp đồng thế chấp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quế Phượng và ông Huỳnh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79a/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 15/TB-TA ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần M2. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ và ông Võ Ngọc D – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Miền Nam; ông Võ Ngọc D ủy quyền lại cho các ông Phạm Anh V (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), ông Nguyễn Đức M1 và ông Nguyễn Như T1. Địa chỉ: số A, khu N tầng T, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 (V2). Trụ sở chính: số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội (cũ là số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội); Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T2 – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ; ông Đỗ Thành T2 ủy quyền lại cho ông Lê Thanh P (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), địa chỉ Chi nhánh: Tầng G, Tòa nhà C, số D

N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Vũ Ngọc Q (vắng mặt không có lý do), sinh năm 1987, căn cước công dân số 074087006276 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/01/2023. Địa chỉ: số C, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ông Phạm Anh V đại diện nguyên đơn Công ty Cổ phần M2 và ông Lê Thanh P đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 thống nhất trình bày:

Ông Vũ Ngọc Q có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP V1 (sau đây gọi tắt là V2) theo hợp đồng thẻ tín dụng và Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 ngày 07/4/2023.

Theo Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 ngày 07/4/2023, ông Vũ Ngọc Q vay vốn tại V2 số tiền 530.000.000 đồng; thời hạn vay: 96 tháng; mục đích sử dụng vốn: thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu MITSUBISHI, Xpander Premium, 1.5L, AT sản xuất mới 100%; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm, được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời gian cố định thì điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần; lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: MITSUBISHI; số loại: XPANDER GLP; số khung: MK2LRNC1WPN014960; số máy: 4A91KBH3542; biển kiểm soát: 72A-662.63, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72001262 do Công an huyện L, Công an tỉnh B cấp ngày 05/4/2023, thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Ngọc Q, theo Hợp đồng thế chấp số LN2303298766303 ngày 07/4/2023. Biện pháp bảo đảm đã được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Đà Nẵng, số đăng ký 1494235345, vào lúc 13 giờ 46 phút ngày 07/4/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Ngọc Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER, Hợp đồng chuyển nhượng số 08/2024/VPB-JUPITER cùng ngày 30/6/2024 và các Phụ lục đính kèm giữa V2 với Công ty Cổ phần M2 (sau đây gọi tắt là Công ty M2), khoản nợ của khách hàng vay là ông Vũ Ngọc Q được mua bán, chuyển nhượng như sau: một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 ngày 07/4/2023; toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng thẻ tín dụng. Công ty M2 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V2 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo, trong đó có quyền khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án. Đồng thời, V2 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M2

là 10%.

Quá trình xử lý khoản vay, V2 và Công ty M2 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Vũ Ngọc Q thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông Vũ Ngọc Q không thực hiện. Tạm tính đến ngày 28/7/2026, ông Vũ Ngọc Q còn nợ Công ty M2 và V2 như sau: nợ gốc là 487.636.339 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.180.142 đồng; nợ lãi quá hạn là 237.141.945 đồng; nợ thẻ tín dụng là 32.434.215 đồng. Tổng cộng là 761.392.641 đồng, trong đó Công ty M2 là 688.496.799 đồng và V2 là 72.895.842 đồng.

Nay Công ty Cổ phần M2 và V2 yêu cầu:

1. Buộc ông Vũ Ngọc Q thanh toán cho Công ty Cổ phần M2 và V2 tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 761.392.641 đồng, trong đó Công ty Cổ phần M2 là 688.496.799 đồng và V2 là 72.895.842 đồng.

2. Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay kể từ ngày 29/7/2026 cho đến ngày ông Vũ Ngọc Q thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty M2 và V2; lãi phát sinh phải trả cho Công ty M2 và V2 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Vũ Ngọc Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty M2 và/hoặc V2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ; số tiền thu được phải được thanh toán cho Công ty M2 và V2 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

4. Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Công ty M2 và/hoặc V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Vũ Ngọc Q cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

5. Ông Vũ Ngọc Q phải chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan (nếu có).

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đối với bị đơn là cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, vay vốn nhằm mục đích

mua xe ô tô phục vụ nhu cầu tiêu dùng, không nhằm mục đích lợi nhuận. Do đó, tranh chấp không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 mà là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ngày 04/6/2026, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án đã ban hành Thông báo mở lại phiên tòa, đồng thời là giấy triệu tập, và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Lý do hoãn phiên tòa ngày 04/6/2026 xuất phát từ chính việc vắng mặt không có lý do của bị đơn, do đó đây là trường hợp bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của cả hai nguyên đơn đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 07/4/2026, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, vụ án có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về tư cách của các nguyên đơn:

Ngày 30/6/2024, V2 và Công ty Cổ phần M2 ký Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER và Hợp đồng chuyển nhượng số 08/2024/VPB-JUPITER cùng các Phụ lục 01 kèm theo, theo đó V2 bán cho Công ty M2 90% khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 và chuyển nhượng toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng của khách hàng Vũ Ngọc Q; 10% khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay vẫn thuộc sở hữu của V2. Theo Điều 365 của Bộ luật Dân sự, việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ, bên chuyển giao chỉ phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ; Công ty M2 đã có Thông báo về việc chuyển giao quyền đòi nợ và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngày 19/11/2024 và Thông báo khởi kiện, thu hồi nợ trước hạn ngày 24/12/2024 gửi ông Vũ Ngọc Q. Theo Điều 368 của Bộ luật Dân sự, việc chuyển giao quyền yêu cầu bao gồm cả biện pháp bảo đảm; Điều 1 và Điều 3 Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER cũng ghi nhận Công ty M2 trở thành bên nhận bảo đảm và tài sản bảo đảm tiếp tục bảo đảm cho cả phần khoản nợ đã bán và phần khoản nợ giữ lại. Do đó, Công ty Cổ phần M2 và V2 đều có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm và cùng khởi kiện trong một vụ án là phù hợp với Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hiệu lực của Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 và Hợp đồng thế chấp số LN2303298766303 cùng ký ngày 07/4/2023 giữa V2 – Chi nhánh Đ với ông Vũ Ngọc Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đủ chữ ký của các bên, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 07/4/2023 nên phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo Điều 297 và Điều 298 của Bộ luật Dân sự. Các hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật, ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

[5] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện được xem xét:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/12/2024, nguyên đơn yêu cầu buộc ông Vũ Ngọc Q trả 571.168.666 đồng tạm tính đến ngày 24/12/2024, đồng thời yêu cầu ông Vũ Ngọc Q tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày 25/12/2024 cho đến khi trả hết nợ. Tại Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/4/2026 và bảng tổng hợp thông tin dư nợ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn xác định số nợ tạm tính đến ngày 28/7/2026 là 761.392.641 đồng.

Đối chiếu số liệu tại hai thời điểm cho thấy dư nợ gốc không thay đổi (496.469.959 đồng và 496.469.643 đồng, chênh lệch 316 đồng do làm tròn số); toàn bộ phần chênh lệch 190.223.975 đồng là tiền lãi phát sinh từ ngày 25/12/2024 đến ngày 28/7/2026. Khoản tiền lãi này đã nằm trong yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Việc nguyên đơn xác định lại bằng con số cụ thể tính đến ngày 28/7/2026 chỉ là việc lượng hóa yêu cầu đã có chứ không phải bổ sung yêu cầu mới và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn theo số liệu tính đến ngày 28/7/2026.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2303298766303:

Ông Vũ Ngọc Q vay của V2 530.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 ngày 07/4/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Ngọc Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ chuyển sang quá hạn; V2 và Công ty M2 đã thông báo thu hồi toàn bộ nợ vay trước hạn kể từ ngày 19/11/2024. Theo trình bày của đại diện các nguyên đơn, tạm tính đến ngày 28/7/2026, ông Vũ Ngọc Q còn nợ 728.958.426 đồng, trong đó nợ gốc là 487.636.339 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.180.142 đồng và nợ lãi quá hạn là 237.141.945 đồng. Ông Vũ Ngọc Q không đến Tòa án trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản vay này. Các mức lãi suất nêu trên được các bên thỏa thuận rõ tại Điều 1 Hợp đồng cho vay, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2303298766303, cụ thể: Công ty Cổ phần M2 được nhận 656.062.584 đồng (tỷ lệ 90%) và V2 được nhận 72.895.842 đồng (tỷ lệ 10%).

[7] Về khoản nợ thẻ tín dụng 32.434.215 đồng:

Ngoài khoản vay nêu trên, ông Vũ Ngọc Q còn có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký với V2. Toàn bộ khoản nợ này đã được V2 chuyển nhượng cho Công ty M2 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 08/2024/VPB-JUPITER ngày 30/6/2024 và Phụ lục 01 kèm theo. Tạm tính đến ngày 28/7/2026, khoản nợ thẻ tín dụng là 32.434.215 đồng. Ông Vũ Ngọc Q không có ý kiến phản đối và không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ này. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần M2 đối với khoản nợ thẻ tín dụng 32.434.215 đồng.

[8] Về yêu cầu tiếp tục tính lãi:

Các bên có thỏa thuận về lãi suất nợ quá hạn tại Điều 1 Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 ngày 07/4/2023, bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, đồng thời có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ. Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ông Vũ Ngọc Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc; trường hợp hợp đồng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì mức lãi suất phải thanh toán cũng được điều chỉnh tương ứng.

Nguyên đơn tính số nợ đến hết ngày 28/7/2026 và đề nghị tính lãi tiếp kể từ ngày 29/7/2026. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận mốc thời gian này là phù hợp với phạm vi yêu cầu của nguyên đơn theo Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bảo đảm tính liên tục của việc tính lãi, không trùng lặp và không bỏ sót.

[9] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp số LN2303298766303 ngày 07/4/2023 có hiệu lực pháp luật và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm. Ông Vũ Ngọc Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải trả nợ trước hạn nên thuộc trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 299 của Bộ luật Dân sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: trường hợp ông Vũ Ngọc Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M2 và V2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; số tiền thu được sau khi trừ các chi phí xử lý tài sản được phân chia cho Công ty Cổ phần M2 và V2 theo tỷ lệ 90% và 10% đúng như thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER.

[10] Về yêu cầu kê biên, phát mại các tài sản khác của bị đơn:

Việc xác minh điều kiện thi hành án và áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với các tài sản khác của người phải thi hành án thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án tại giai đoạn xét xử. Quyền lợi của nguyên đơn đã được bảo đảm bằng việc bản án ghi nhận nghĩa vụ tiếp tục trả phần nợ còn thiếu của bị đơn.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông Vũ Ngọc Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, với số tiền là 34.455.705 đồng. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần M2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.423.373 đồng.

[12] Về ý kiến của Kiểm sát viên:

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 297, 298, 299, 303, 317, 323, 365, 368, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 08/2016/AL;

Căn cứ vào Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1.

Buộc ông Vũ Ngọc Q trả cho Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2026 là 761.392.641 đồng (bằng chữ: bảy trăm sáu mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi mốt đồng), theo Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 ngày 07/4/2023, hợp đồng thẻ tín dụng, Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER và Hợp đồng chuyển nhượng số 08/2024/VPB-JUPITER cùng ngày 30/6/2024; trong đó:

- Trả cho Công ty Cổ phần M2 số tiền 688.496.799 đồng (bằng chữ: sáu trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng);

- Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 số tiền 72.895.842 đồng (bằng chữ: bảy mươi hai triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi

hai đồng).

Kể từ ngày 29/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Ngọc Q còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 ngày 07/4/2023, bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp tại Hợp đồng cho vay số LN2303298766303 ngày 07/4/2023 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của V2 thì mức lãi suất mà ông Vũ Ngọc Q phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất đó. Tiền lãi phát sinh được trả cho Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 theo tỷ lệ 90% và 10%.

Trường hợp ông Vũ Ngọc Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ số tiền nêu trên thì Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu: MITSUBISHI; số loại: XPANDER GLP; số khung: MK2LRNC1WPN014960; số máy: 4A91KBH3542; biển kiểm soát: 72A-662.63, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 72001262 do Công an huyện L, Công an tỉnh B cấp ngày 05/4/2023, thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Ngọc Q, theo Hợp đồng thế chấp số LN2303298766303 ngày 07/4/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 và ông Vũ Ngọc Q, để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ các chi phí xử lý tài sản theo quy định của pháp luật, được thanh toán cho Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 theo tỷ lệ 90% và 10%.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông Vũ Ngọc Q còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần M2 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Vũ Ngọc Q phải chịu 34.455.705 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần M2 13.423.373 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027423 ngày 16/10/2025.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Hữu Trí

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKS KV13;
- THADS TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu.